

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh; Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2022/TLST - HNGĐ, ngày 24/6/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa số 36/QĐST – HNGĐ ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Thị A**; sinh năm 1995; HKTT: Thôn P, xã T (Nay là xã T), huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Đình S**; sinh năm 1994; HKTT: Thôn Đ, xã M, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Thái Lan. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Trịnh Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình S kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã T), huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị và anh Sáng được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Sau đó, anh Sáng đi xuất khẩu lao động tại Thái Lan, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tính đến nay vợ chồng đã sống cách xa nhau hơn 4 năm, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Hiện tại, chị Ánh cũng không rõ địa chỉ cụ thể của

anh Sáng tại Thái Lan, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình hôn nhân, chị và anh Sáng có 01 con chung là Trần Thị Bảo Yến, sinh ngày 19/8/2016, hiện cháu đang sống cùng ông bà ngoại ông Trịnh Đức Đồng và bà Nguyễn Thị Minh tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Khi ly hôn chị Ánh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Sáng đóng góp cấp dưỡng nuôi con; trong thời gian chị đang lao động tại Nhật Bản tạm thời giao cháu Trần Thị Bảo Yến cho ông bà ngoại ông Trịnh Đức Đồng và bà Nguyễn Thị Minh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trịnh Thị A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Trịnh Đức Đồng; (bố đẻ); CMTND số 183180483, HKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Tài liệu văn bản chị Trịnh Thị A gửi về đều có xác nhận Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Quá trình Tòa án tỉnh Hà Tĩnh giải quyết vụ án ông Trịnh Đức Đồng tiến hành giao nộp thêm các tài liệu chứng cứ khác, đồng ý việc nhận ủy quyền và cam đoan sẽ thông báo đầy đủ nội dung các văn bản tố tụng Tòa án tổng đạt cho chị Trịnh Thị A.

Bị đơn anh Trần Đình S hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Trần Đình S là ông Trần Đình Thiết (bố đẻ anh Sáng) nhưng ông không cung cấp được địa chỉ của anh Sáng ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời cho đến nay, anh Sáng cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị A. Xử cho chị Trịnh Thị A được ly hôn với anh Trần Đình S; Về con chung: Giao con chung Trần Thị Bảo Yến, sinh ngày 19/8/2016 cho chị Trịnh Thị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; trong thời gian chị Ánh đang lao động tại Nhật Bản tạm thời giao cháu Trần Thị Bảo Yến cho ông bà ngoại ông Trịnh Đức Đồng và bà Nguyễn Thị Minh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh Trần Đình S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trịnh Thị A, sinh ngày 20/8/1995; Hộ chiếu số N2434941 do Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản cấp ngày 18/10/2021, hiện đang tạm trú tại Nhật Bản. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Trần Đình S hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Trần Đình S là ông Trần Đình Thiết gồm các văn bản tố tụng như: “Thông báo thụ lý vụ án”, “Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ”, “Quyết định đưa vụ án ra xét xử”, “Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa”. Đồng thời, yêu cầu anh Sáng trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị Ánh nhưng anh Sáng không có bất kỳ văn bản tài liệu nào gửi về Tòa án tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh Sáng cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức, không phối hợp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh thân nhân anh Sáng ông Trần Đình Thiết cho biết: Anh Sáng là con ruột của ông, anh Sáng đi lao động tại Thái Lan từ sau khi học xong cấp 3, năm 2020 anh Sáng có về Việt Nam, thi thoảng anh Sáng vẫn liên lạc về gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của anh Sáng tại Thái Lan ông không rõ, đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Ánh đó là việc của hai con ông không liên quan nên không có ý kiến gì. Sau đó, Tòa án đã liên lạc với anh Sáng qua điện thoại, anh Sáng trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như chị Ánh đã trình bày. Anh kết hôn với chị Ánh vào năm 2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh đi xuất khẩu lao động tại Thái Lan, sau đó chị Ánh không xin phép mà tự ý đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nhưng hiện tại anh đang ở Thái Lan chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, anh cho rằng không thể ly hôn khi cả hai người đều vắng mặt. Về con chung giữa anh và chị Ánh có 01 con chung là Trần Thị Bảo Yến, sinh ngày 19/8/2016, hiện cháu đang sống cùng ông bà ngoại ông Trịnh Đức Đồng và bà Nguyễn Thị Minh. Khi ly hôn anh nhất trí việc cháu Bảo Yến tiếp tục sống cùng ông bà ngoại. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng không có gì. Tòa án tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa ấn định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 13/9/2022 và lần 2 vào ngày 29/9/2022, tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng anh Sáng vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Đình S theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị A và anh Trần Đình S đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 20/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Sau đó, anh Sáng đi xuất khẩu lao động tại Thái Lan, chị Ánh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng sống cách xa nhau nên mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Như vậy, đến thời điểm hiện tại vợ chồng đã sống cách xa nhau hơn 4 năm, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án anh Sáng cho rằng không thể ly hôn khi hai người đều vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện theo đúng quy trình tố tụng, các bên đã thực sự không còn tình cảm với nhau, không có giải pháp để hóa giải mâu thuẫn, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không muốn tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân của chị Ánh và anh Sáng không đạt được mục đích đó, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị A xử cho chị được ly hôn anh Trần Đình S để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trịnh Thị A và anh Trần Đình S có 01 con chung là cháu Trần Thị Bảo Yến, sinh ngày 19/8/2016. Hiện tại, cháu đang sống cùng ông bà ngoại ông Trịnh Đức Đồng và bà Nguyễn Thị Minh tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Khi ly hôn chị Ánh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Sáng đóng góp cấp dưỡng nuôi con; trong thời gian chị đang lao động tại Nhật Bản tạm thời giao cháu Trần Thị Bảo Yến cho ông bà ngoại ông Trịnh Đức Đồng và bà Nguyễn Thị Minh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh Trần Đình S cũng nhất trí việc giao cháu Trần Thị Bảo Yến cho ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Ánh và anh Sáng hiện đang lao động tại nước ngoài, cháu Bảo Yến sống cùng ông bà ngoại từ khi bố mẹ đi đến nay, được ông bà ngoại chăm sóc cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Qua biên bản xác minh ông Trịnh Đức Đồng cũng nhất trí việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo Yến khi chị Ánh và anh Sáng ly hôn, ông cho biết thêm chị Ánh cũng thường gửi chi phí về đảm bảo điều kiện ăn, học cho cháu đầy đủ. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống thường ngày của cháu Trần Thị Bảo Yến cần giao cháu cho chị Trịnh Thị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành. Anh Sáng không phải đóng góp cấp

dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị A, tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị A được ly hôn với anh Trần Đình S.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Bảo Yến, sinh ngày 19/8/2016 cho chị Trịnh Thị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); trong thời gian chị Ánh đang lao động tại Nhật Bản tạm thời giao cháu Trần Thị Bảo Yến cho ông bà ngoại ông Trịnh Đức Đồng và bà Nguyễn Thị Minh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh Sáng không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000242 ngày 24/06/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Đường sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quang Năng